

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG  
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2232/QĐ-ĐHNH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra cho sinh viên hệ đại học  
hệ chính quy chương trình chất lượng cao (tiếng Anh bán phần) đợt tháng 7  
năm 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 10/5/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019;

Căn cứ Quyết định số 1583/QĐ-ĐHNH, ngày 07/09/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Thông báo số 229/TB-ĐHNH, ngày 18/03/2020 về việc áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các chương trình đại học chính quy chương trình chất lượng cao;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận đạt trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo cho 115 sinh viên chương trình đào tạo chất lượng cao (tiếng Anh bán phần)

(Danh sách đính kèm)

**Điều 2.** Các đơn vị phối hợp thực hiện theo Quyết định số 1075/QĐ-ĐHNH, ngày 08/05/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy chế quản lý điểm trên Hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3: để thực hiện;
- Phòng KT&ĐBCL;
- Lưu VP, Ban CLC.



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. TS. Nguyễn Đức Trung**





**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
CHẤT LƯỢNG CAO (TIẾNG ANH BÁN PHẦN) ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT TRÌNH ĐỘ TIẾNG  
ANH CHUẨN ĐẦU RA ĐỢT THÁNG 07 NĂM 2023**



*(Ban hành kèm theo Quyết định: 2232/QĐ-ĐHNH, ngày 10 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)*

| STT | MÃ SỐ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN          |       | NGÀY SINH  | LỚP SINH HOẠT | CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH |       |           | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|--------------------|-------|------------|---------------|---------------------|-------|-----------|---------|
|     |                 |                    |       |            |               | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT |         |
| 1   | 050606180002    | Nguyễn Thị Bình    | An    | 22/03/2000 | HQ6-GE11      | 4/6                 |       |           |         |
| 2   | 050607190003    | Lê Thị Thúy        | An    | 17/02/2001 | HQ7-GE12      | 4/6                 |       |           |         |
| 3   | 050607190033    | Nguyễn Thị Lan     | Anh   | 18/04/2001 | HQ7-GE12      |                     | 6,5   |           |         |
| 4   | 030805170270    | Bùi Thị Kim        | Anh   | 25/06/1999 | HQ5-GE08      |                     |       | 84        |         |
| 5   | 030334180010    | Nguyễn Đình Tuấn   | Anh   | 12/03/2000 | HQ6-GE06      | 4/6                 |       |           |         |
| 6   | 050606180024    | Trần Thị Quỳnh     | Anh   | 16/01/2000 | HQ6-GE04      | 4/6                 |       |           |         |
| 7   | 050610220036    | Nguyễn Phương      | Anh   | 25/03/2004 | HQ10-GE06     |                     | 5,5   |           |         |
| 8   | 050607190025    | Mai Thị Kim        | Anh   | 04/05/2001 | HQ7-GE02      | 4/6                 |       |           |         |
| 9   | 050607190050    | Hồ Dương Gia       | Bảo   | 18/10/2001 | HQ7-GE06      | 4/6                 |       |           |         |
| 10  | 050609210125    | Nguyễn Nhất Thiên  | Bảo   | 17/08/2003 | HQ9-GE03      | 4/6                 |       |           |         |
| 11  | 050609211851    | Hoàng Minh         | Châu  | 11/04/2003 | HQ9-GE19      | 4/6                 |       |           |         |
| 12  | 050606180049    | Lã Minh            | Chi   | 15/11/2000 | HQ6-GE08      | 4/6                 |       |           |         |
| 13  | 050607190067    | Trần Thanh         | Chi   | 06/12/2001 | HQ7-GE05      | 4/6                 |       |           |         |
| 14  | 050608200029    | Lê Thị Linh        | Chi   | 20/08/2002 | HQ8-GE10      |                     | 5,5   |           |         |
| 15  | 050607190106    | Lê Tiến            | Đạt   | 20/10/2001 | HQ7-GE06      | 4/6                 |       |           |         |
| 16  | 050607190110    | Thi Quyên          | Đinh  | 11/05/2001 | HQ7-GE15      | 4/6                 |       |           |         |
| 17  | 050607190112    | Trần Nguyễn Thục   | Đoan  | 10/12/2001 | HQ7-GE15      | 4/6                 |       |           |         |
| 18  | 050610220892    | Nguyễn Ngọc Phương | Đoan  | 09/03/2004 | HQ10-GE16     |                     | 6,0   |           |         |
| 19  | 050608200308    | Nguyễn Minh        | Đức   | 08/10/2002 | HQ8-GE13      |                     | 5,5   |           |         |
| 20  | 050606180081    | Trần Quang         | Đức   | 28/11/1999 | HQ6-GE01      | 4/6                 |       |           |         |
| 21  | 050609211876    | Đào Thị Mỹ         | Duyên | 29/03/2003 | HQ9-GE20      | 4/6                 |       |           |         |
| 22  | 030805170194    | Huỳnh Hoàng        | Giang | 08/08/1999 | HQ5-GE01      | 4/6                 |       |           |         |
| 23  | 030633170675    | Hồ Nguyễn Hương    | Giang | 06/08/1999 | HQ5-GE10      | 4/6                 |       |           |         |
| 24  | 030805170048    | Phạm Phương        | Giao  | 02/04/1999 | HQ5-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 25  | 050607190125    | Lưu Thị Thu        | Hà    | 05/03/2001 | HQ7-GE10      | 4/6                 |       |           |         |
| 26  | 050607190143    | Nguyễn Bảo Gia     | Hân   | 05/03/2001 | HQ7-GE14      | 4/6                 |       |           |         |
| 27  | 050606180099    | Dương Gia          | Hân   | 06/06/2000 | HQ6-GE02      | 4/6                 |       |           |         |
| 28  | 050607190139    | Nguyễn Thị Thanh   | Hằng  | 25/03/2001 | HQ7-GE18      | 4/6                 |       |           |         |



| STT | MÃ SỐ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN          |        | NGÀY SINH  | LỚP SINH HOẠT | CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH |       |           | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|--------------------|--------|------------|---------------|---------------------|-------|-----------|---------|
|     |                 |                    |        |            |               | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT |         |
| 29  | 030631150276    | Phạm Võ Ngọc       | Hằng   | 27/03/1997 | HQ3-GE07      |                     |       | 76        |         |
| 30  | 050606180110    | Đào Minh           | Hiếu   | 11/02/2000 | HQ6-GE08      | 4/6                 |       |           |         |
| 31  | 050607190158    | Lê Phùng Mỹ        | Hoa    | 25/08/2001 | HQ7-GE13      | 4/6                 |       |           |         |
| 32  | 050607190162    | Ninh Việt          | Hoàng  | 18/02/2001 | HQ7-GE06      | 4/6                 |       |           |         |
| 33  | 050607190168    | Nguyễn Tuấn        | Hùng   | 06/06/2001 | HQ7-GE01      | 4/6                 |       |           |         |
| 34  | 030631150170    | Nguyễn Văn         | Hùng   | 28/10/1996 | HQ3-GE06      |                     |       | 87        |         |
| 35  | 030633170592    | Trần Thị Thu       | Hương  | 08/01/1999 | HQ5-GE12      | 4/6                 |       |           |         |
| 36  | 030805170107    | Bùi Đức            | Huy    | 30/03/1999 | HQ5-GE05      | 4/6                 |       |           |         |
| 37  | 030631150420    | Phan Thanh         | Huyền  | 25/02/1997 | HQ3-GE06      |                     |       | 80        |         |
| 38  | 050607190176    | Nguyễn Ngọc        | Huyền  | 17/01/2001 | HQ7-GE06      |                     | 5,5   |           |         |
| 39  | 050609211962    | Nguyễn Thị Thu     | Huyền  | 10/12/2003 | HQ9-GE15      | 4/6                 |       |           |         |
| 40  | 030805170374    | Võ Chí             | Khang  | 01/10/1999 | HQ5-GE05      | 4/6                 |       |           |         |
| 41  | 050607190196    | Trần Kiều          | Khanh  | 25/01/2001 | HQ7-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 42  | 050607190199    | Mai Kim            | Khánh  | 22/11/2001 | HQ7-GE17      | 4/6                 |       |           |         |
| 43  | 030135190243    | Nguyễn Bích        | Khuê   | 04/12/2001 | HQ7-GE04      | 4/6                 |       |           |         |
| 44  | 050607190214    | Đổng Ngọc Hoàng    | Kim    | 15/04/2001 | HQ7-GE16      | 4/6                 |       |           |         |
| 45  | 050606180170    | Nguyễn Hồng        | Lam    | 15/05/2000 | HQ6-GE04      | 4/6                 |       |           |         |
| 46  | 050606180180    | Lương Thị Yến      | Linh   | 05/11/2000 | HQ6-GE06      | 4/6                 |       |           |         |
| 47  | 050607190224    | Đặng Nguyễn Phương | Linh   | 02/03/2001 | HQ7-GE14      | 4/6                 |       |           |         |
| 48  | 030805170117    | Nguyễn Phạm Nhật   | Linh   | 02/04/1999 | HQ5-GE07      |                     |       | 83        |         |
| 49  | 030534180108    | Tăng Ngọc          | Mi     | 07/09/2000 | HQ6-GE01      | 4/6                 |       |           |         |
| 50  | 050607190257    | Mai Hà             | Mi     | 21/09/2001 | HQ7-GE17      | 4/6                 |       |           |         |
| 51  | 050607190264    | Vòng Sám           | Múi    | 24/03/2001 | HQ7-GE09      | 4/6                 |       |           |         |
| 52  | 030631150588    | Nguyễn Võ Lê       | Nam    | 22/08/1997 | HQ3-GE04      |                     |       | 74        |         |
| 53  | 030805170323    | Nguyễn Quỳnh       | Nga    | 25/08/1999 | HQ5-GE12      |                     |       | 65        |         |
| 54  | 050607190303    | Quách Hiếu         | Nghĩa  | 06/12/2001 | HQ7-GE15      | 4/6                 |       |           |         |
| 55  | 050608200112    | Phạm Nguyễn Bảo    | Ngọc   | 09/03/2002 | HQ8-GE11      | 4/6                 |       |           |         |
| 56  | 050610221135    | Lê Phan Mỹ         | Ngọc   | 25/04/2004 | HQ10-GE30     |                     | 6,0   |           |         |
| 57  | 050606180251    | Nguyễn Thị Như     | Ngọc   | 17/02/2000 | HQ6-GE11      | 4/6                 |       |           |         |
| 58  | 050606180262    | Nguyễn Trung       | Nguyên | 07/06/2000 | HQ6-GE10      |                     |       | 62        |         |
| 59  | 030135190380    | Trần Trung         | Nguyên | 03/06/2001 | HQ7-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 60  | 050607190332    | Võ Thành           | Nhân   | 26/12/2001 | HQ7-GE13      | 4/6                 |       |           |         |



| STT | MÃ SỐ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN       |        | NGÀY SINH  | LỚP SINH HOẠT | CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH |       |           | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|-----------------|--------|------------|---------------|---------------------|-------|-----------|---------|
|     |                 |                 |        |            |               | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT |         |
| 61  | 030805170310    | Trần Lê Yến     | Nhi    | 15/05/1999 | HQ5-GE11      |                     | 5,5   |           |         |
| 62  | 050607190354    | Võ Ngọc Thảo    | Nhi    | 05/10/2001 | HQ7-GE14      | 4/6                 |       |           |         |
| 63  | 050607190344    | Liên Thục       | Nhi    | 20/11/2001 | HQ7-GE06      | 4/6                 |       |           |         |
| 64  | 050607190350    | Nguyễn Thị Yến  | Nhi    | 04/07/2001 | HQ7-GE02      | 4/6                 |       |           |         |
| 65  | 050607190346    | Ngô Thị Yến     | Nhi    | 03/07/2001 | HQ7-GE14      | 4/6                 |       |           |         |
| 66  | 030633170754    | Phạm Kiều       | Oanh   | 21/10/1999 | HQ5-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 67  | 030335190212    | Trần Phan Minh  | Phúc   | 28/06/2001 | HQ7-GE13      |                     | 6,5   |           |         |
| 68  | 050609211121    | Quách Phan Hồng | Phúc   | 27/11/2003 | HQ9-GE04      | 4/6                 |       |           |         |
| 69  | 030805170379    | Đinh Huỳnh Uyên | Phương | 07/06/1999 | HQ5-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 70  | 050607190399    | Hứa Tú          | Phương | 09/08/2001 | HQ7-GE05      | 4/6                 |       |           |         |
| 71  | 050607190403    | Nguyễn Thôi Kim | Phương | 17/11/2001 | HQ7-GE17      | 4/6                 |       |           |         |
| 72  | 050610220480    | Bùi Minh        | Phượng | 06/03/2004 | HQ10-GE23     |                     | 5,5   |           |         |
| 73  | 050607190418    | Võ Minh         | Quân   | 31/08/2001 | HQ7-GE18      | 4/6                 |       |           |         |
| 74  | 050607190428    | Lê Trúc         | Quỳnh  | 14/06/2001 | HQ7-GE06      | 4/6                 |       |           |         |
| 75  | 050608200598    | Nguyễn          | Quỳnh  | 05/08/2002 | HQ8-GE06      |                     | 6,0   |           |         |
| 76  | 050607190432    | Phan Thị Như    | Quỳnh  | 12/07/2001 | HQ7-GE01      | 4/6                 |       |           |         |
| 77  | 030805170146    | Nguyễn Tiến     | Sỹ     | 19/05/1999 | HQ5-GE03      | 4/6                 |       |           |         |
| 78  | 050606180327    | Trần Thành      | Tâm    | 03/01/2000 | HQ6-GE12      | 4/6                 |       |           |         |
| 79  | 050607190442    | Nguyễn Đỗ Minh  | Tâm    | 06/03/2001 | HQ7-GE01      | 4/6                 |       |           |         |
| 80  | 050606180329    | Nguyễn Duy      | Tân    | 31/12/2000 | HQ6-GE08      | 4/6                 |       |           |         |
| 81  | 030134180452    | Nguyễn Văn Bình | Tân    | 07/12/2000 | HQ6-GE10      | 4/6                 |       |           |         |
| 82  | 050606180358    | Phan Thị Huyền  | Thanh  | 18/05/2000 | HQ6-GE12      | 4/6                 |       |           |         |
| 83  | 050606180369    | Trần Nghĩa Thu  | Thảo   | 08/11/2000 | HQ6-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 84  | 050607190469    | Bùi Thu         | Thảo   | 18/03/2001 | HQ7-GE17      | 4/6                 |       |           |         |
| 85  | 050607190519    | Võ Hoàng Nhã    | Thư    | 19/02/2001 | HQ7-GE17      | 4/6                 |       |           |         |
| 86  | 050607190502    | Bùi Trần Anh    | Thư    | 01/06/2001 | HQ7-GE05      | 4/6                 |       |           |         |
| 87  | 050606180396    | Trần Hoàng Minh | Thư    | 15/12/2000 | HQ6-GE09      | 4/6                 |       |           |         |
| 88  | 050607190500    | Võ Thị Thu      | Thủy   | 28/09/2001 | HQ7-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 89  | 050606180408    | Nguyễn Trần Mai | Thy    | 25/11/2000 | HQ6-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 90  | 050608200713    | Vũ Phạm Hải     | Thy    | 08/07/2002 | HQ8-GE06      |                     | 7,0   |           |         |
| 91  | 050607190527    | Nguyễn Ngọc Anh | Thy    | 12/10/2001 | HQ7-GE11      | 4/6                 |       |           |         |
| 92  | 050607190533    | Tổng Thị Mỹ     | Tiên   | 04/10/2001 | HQ7-GE04      | 4/6                 |       |           |         |

| STT | MÃ SỐ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN              |       | NGÀY SINH  | LỚP SINH HOẠT | CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH |       |           | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|------------------------|-------|------------|---------------|---------------------|-------|-----------|---------|
|     |                 |                        |       |            |               | VSTEP               | IELTS | TOEFL IBT |         |
| 93  | 030805170233    | Nguyễn Thị Thùy        | Tiên  | 14/07/1999 | HQ5-GE03      |                     |       | 78        |         |
| 94  | 030805170389    | Huỳnh Diệu             | Tiên  | 05/09/1999 | HQ5-GE11      | 4/6                 |       |           |         |
| 95  | 050607190564    | Nguyễn Thị Anh         | Trâm  | 13/03/2001 | HQ7-GE16      |                     | 6,0   |           |         |
| 96  | 050609211513    | Nguyễn Kiều Mai        | Trâm  | 06/10/2003 | HQ9-GE07      |                     | 6,0   |           |         |
| 97  | 050607190571    | Nguyễn Thị Uyên        | Trân  | 19/02/2001 | HQ7-GE12      |                     | 6,0   |           |         |
| 98  | 050610220646    | Vũ Đỗ Thảo             | Trang | 23/10/2004 | HQ10-GE11     |                     | 6,0   |           |         |
| 99  | 050608200719    | Mạc Thị Quỳnh          | Trang | 29/09/2002 | HQ8-GE07      |                     | 6,0   |           |         |
| 100 | 030805170032    | Cao Thị Huyền          | Trang | 26/08/1999 | HQ5-GE03      |                     | 6,0   |           |         |
| 101 | 050607190548    | Hoàng Thị Thùy         | Trang | 18/08/2001 | HQ7-GE01      | 4/6                 |       |           |         |
| 102 | 030805170286    | Nguyễn Thị Minh        | Trang | 01/01/1999 | HQ5-GE09      |                     |       | 66        |         |
| 103 | 030805170332    | Lương Mỹ               | Trình | 01/05/1999 | HQ5-GE09      |                     |       | 67        |         |
| 104 | 050607190584    | Phạm Ngọc Thảo         | Trình | 30/04/2001 | HQ7-GE18      | 4/6                 |       |           |         |
| 105 | 050606180430    | Trịnh Đức              | Trọng | 28/07/2000 | HQ6-GE10      |                     |       | 71        |         |
| 106 | 030631150689    | Phan Thị Cẩm           | Tú    | 21/01/1997 | HQ3-GE02      | 4/6                 |       |           |         |
| 107 | 030631150700    | Nguyễn Thanh           | Tuyền | 20/12/1994 | HQ3-GE07      | 4/6                 |       |           |         |
| 108 | 050607190624    | Ngô Trúc               | Uyên  | 18/02/2001 | HQ7-GE09      | 4/6                 |       |           |         |
| 109 | 050607190621    | Lê Gia                 | Uyên  | 15/10/2000 | HQ7-GE11      | 4/6                 |       |           |         |
| 110 | 030805170357    | Nguyễn Hà Phương       | Uyên  | 25/01/1998 | HQ5-GE10      |                     |       | 67        |         |
| 111 | 050607190641    | Nguyễn Hoàng           | Việt  | 04/08/2001 | HQ7-GE15      | 4/6                 |       |           |         |
| 112 | 050607190646    | Đoàn Phan Thụy Tườn Vy |       | 27/04/2001 | HQ7-GE18      | 4/6                 |       |           |         |
| 113 | 050607190661    | Phạm Thanh             | Vy    | 30/11/2001 | HQ7-GE18      | 4/6                 |       |           |         |
| 114 | 050608200774    | Đỗ Ngọc Quỳnh          | Vy    | 15/12/2002 | HQ8-GE03      |                     | 6,0   |           |         |
| 115 | 030805170250    | Hoàng                  | Yến   | 30/09/1999 | HQ5-GE12      |                     |       | 69        |         |
|     |                 |                        |       |            |               |                     |       |           |         |

Tổng số: 115 sinh viên